

Số: /QĐ-KHĐT.ĐTĐ

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình
Sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 – Km4+372,32 và
tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.**

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giao thông vận tải: Số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 17/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 sửa đổi Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 13/2021/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 61/TB-STC ngày 21/02/2023 của Sở Tài chính về các khoản chi không tự chủ theo nội dung công việc trong dự toán giao năm 2023 (Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công) Đơn vị: Sở Giao thông – Vận tải – Chương 421;

Căn cứ Văn bản số 751/UBND-XDCB ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận phân khai dự toán ngân sách nhà nước giao Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 2532/SGTVT-QLCL ngày 14/11/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 – Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2538/TTr-SGTVT ngày 14/11/2023 về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 – Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh và đề nghị của Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 – Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 – Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Người quyết định đầu tư: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông Vận tải Bắc Ninh.

4. Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước trên tuyến ĐT.287 (đoạn từ Km2+900 đến Km4+372,32) và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nhằm khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp, nâng cao tuổi thọ công trình; Đồng thời đảm bảo an toàn giao thông phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

5. Quy mô đầu tư: Công trình gồm 01 tuyến chính và 02 tuyến nhánh, tổng chiều dài các tuyến $L = 216,86$ m, trong đó:

* Tuyến chính là tuyến đường đôi có dải phân cách giữa, có chiều dài $L_C = 90,26$ m, trong đó:

+ Điểm đầu: Tại lý trình Km2+900 theo lý trình ĐT.287.

+ Điểm cuối làn bên phải: Tại lý trình Km2+990,26 theo lý trình ĐT.287.

+ Điểm cuối làn bên trái: Tại lý trình Km2+989,62 theo lý trình ĐT.287.

+ Mặt cắt ngang nền, mặt đường: Nền, mặt đường theo hiện trạng, $B_{mtb} = 27$ m; độ dốc ngang mặt đường $i = (1,5 \div 2,0)\%$.

* Tuyến Nhánh 01 có chiều dài $L_{N1} = 82,50$ m:

+ Điểm đầu: Tại lý trình Km0+00 theo lý trình của tuyến Nhánh 1 (giao với ĐT.287 tại lý trình Km2+902,64 bên trái tuyến)

+ Điểm cuối: Tại lý trình Km0+82,5 theo lý trình của tuyến Nhánh 1.

+ Mặt cắt ngang nền, mặt đường: Nền, mặt đường theo hiện trạng, $B_{mtb} = (5,67 \div 7,30)$ m; độ dốc ngang mặt đường $i = (1,5 \div 2)\%$.

- * Tuyến Nhánh 02 có chiều dài $L_{N2} = 44,10\text{m}$:
- + Điểm đầu: Tại lý trình Km0+00 theo lý trình của tuyến Nhánh 2 (giao với ĐT.287 tại lý trình Km2+972,17 bên phải tuyến)
- + Điểm cuối: Tại lý trình Km0+44,10 theo lý trình của tuyến Nhánh 2.
- + Mặt cắt ngang nền, mặt đường: Nền, mặt đường theo hiện trạng, $B_{\text{mtb}}=(5,67\div 7,30)\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i=(1,5\div 2)\%$.
- * Bình đồ hướng tuyến: Theo hướng tuyến hiện đang khai thác, sử dụng.
- * Cao độ mặt đường đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế các công trình hiện hữu tuyến chạy qua.

6. Nội dung đầu tư, giải pháp thiết kế: Trên cơ sở nền, mặt đường BTN cũ đã bị hư hỏng, vênh võng xuống cấp tiến hành sửa chữa như sau:

6.1. Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường đối với những vị trí mặt đường bị nứt lưới lớn mức độ vừa (đánh giá theo TCCS 07:2013/TCĐBVN):

- Cào bóc mặt đường BTN dày trung bình 7,0Cm.
- Tưới dính bảm bằng nhựa đường nhũ tương tiêu chuẩn 0,5kg/m².
- Hoàn trả mặt đường bằng BTNC 19 dày 7,0Cm.

6.2. Bù vênh mặt đường cũ tạo độ dốc ngang mặt đường đối với những vị trí mặt đường bị vênh võng có chiều sâu >2cm:

- Tưới dính bảm bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,5kg/m².
- Bù vênh mặt đường cũ bằng BTNC 19.

6.3. Thảm tăng cường toàn bộ mặt đường:

- Cào bóc mặt đường lớp BTN hiện trạng tạo độ dốc ngang mặt đường, dày trung bình 2,78cm;

- Tưới dính bảm bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,5kg/m² (đối với những vị trí đã được bù vênh mặt đường tưới dính bảm bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,3kg/m²).

- Thảm tăng cường mặt đường bằng BTNC 12,5 dày 5,0cm (đối với vị trí bù vênh có chiều dày $\leq 2\text{cm}$, bù vênh mặt đường cũ bằng BTNC 12,5 và thi công đồng thời với lớp thảm tăng cường).

6.4. Vuốt nối êm thuận tại điểm đầu, điểm cuối tuyến và vị trí đường ngang dân sinh:

- Tưới dính bảm trên mặt đường cũ bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,5kg/m².

- Thảm lớp BTNC 12.5 dày trung bình 3,0cm, tại các vị trí giao nhau với đường ngang dân sinh.

- Thảm lớp BTNC 12.5 dày trung bình 5,0 Cm tại các vị trí khoảng trống dải phân cách giữa hai làn đường.

6.5. Hệ thống thoát nước:

6.5.1. Tại vị trí lề đường bên phải đoạn tuyến nhánh ra QL.1:

a) Công thoát nước khẩu độ D800mm:

- Đào móng công bằng máy đào, đất cấp III.
- Đệm móng công bằng CPĐD loại I dày 10cm.
- Lắp đặt hệ thống công tròn thoát nước khẩu độ D800mm, đốt công dài 2,5m; lắp đặt trên gối kích thước (92x30x27)cm, bố trí 3 gối/ 1 đốt, liên kết giữa 2 đốt công bằng Joint cao su.
- Đắp bù móng công bằng đất tận dụng đầm chặt K90.

b) Hồ ga thoát nước:

- Đào móng hồ ga bằng máy đào, đất cấp III.
- Đệm móng hồ ga bằng CPĐD loại I, dày 10cm.
- BTXM móng hồ ga mác 150, đá 2x4, dày 15cm.
- Xây hồ ga bằng gạch xi măng kích thước (6,5x10,5x22)cm, vữa XM mác 75.
- Trát tường hồ ga, chiều dày lớp trát 2,0cm, vữa XM mác 75.
- BTXM mũ mố hồ ga mác 250, đá 1x2.
- Gia công, lắp đặt tấm đan hồ ga bằng BTCT, đổ BTXM mác 250, đá 1x2, kích thước (140x84x12)cm.
- Đắp bù móng hồ ga bằng đất tận dụng đầm chặt K90.

6.5.2. Tại vị trí lề đường bên phải tuyến ĐT.287 từ km²+984,13 đến km⁴+372,32:

a) Công thoát nước khẩu độ D600mm:

- Đào móng công bằng máy đào, đất cấp III.
- Đệm móng công bằng CPĐD loại I dày 10cm.
- Lắp đặt hệ thống công tròn thoát nước khẩu độ D600mm, đốt công dài 2,5m; lắp đặt trên gối kích thước (73x30x23,3)cm, bố trí 3 gối/ 1 đốt, liên kết giữa 2 đốt công bằng Joint cao su.
- Đắp bù móng công bằng đất tận dụng đầm chặt K90.

b) Hồ ga thoát nước:

- Đào móng hồ ga bằng máy đào, đất cấp III.
- Đệm móng hồ ga bằng CPĐD loại I, dày 10cm.
- BTXM móng hồ ga mác 150, đá 2x4, dày 15cm.
- Xây hồ ga bằng gạch xi măng kích thước (6,5x10,5x22)cm, vữa XM mác 75.
- Trát tường hồ ga, chiều dày lớp trát 2,0cm, vữa XM mác 75.
- BTXM mũ mố hồ ga mác 250, đá 1x2.
- Gia công, lắp đặt tấm đan hồ ga bằng BTCT, đổ BTXM mác 250, đá 1x2, kích thước (140x70x12)cm.
- Đắp bù móng hồ ga bằng đất tận dụng đầm chặt K90.

c) Rãnh tam giác, cửa hồ thu và bó vỉa:

- Rãnh tam giác bằng BTXM đúc sẵn mác 200, đá 1x2, kích thước (30x50x5)cm, trên lớp móng bằng BTXM mác 150 dày 10,0cm.

- Lắp đặt bộ cửa hồ thu bằng BTXM đúc sẵn kích thước (100x77x48)cm, tấm song chắn rác bằng composite kích thước (96x53x6,5)cm.

- Bó vỉa bằng BTXM đúc sẵn mác 200, đá 1x2, kích thước (23x26x100)cm, trên lớp móng bằng BTXM mác 150 dày 10,0cm.

6.6. Hệ thống an toàn giao thông:

- Sửa chữa, bổ sung hệ thống hộ lan bằng tôn lượn sóng dạng 2 tấm sóng, kích thước (3.320x310x3)mm.

- Sau khi sửa chữa mặt đường, tiến hành sơn vạch kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm theo Quy chuẩn QCVN41:2019/BGTVT, sơn gờ giảm tốc dày 6mm theo TCCS 34:2020/TCĐBVN.

- Sửa chữa, bổ sung hệ thống biển báo hiệu đường bộ, theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT, với kết cấu cụ thể như sau:

+ Biển báo được làm bằng tôn mạ kẽm dày 2,5mm, dán màng phản quang loại III (tương đương 3M seri 3900); thân cột D90mm sử dụng ống thép mạ kẽm dày 2,5mm, dán màng phản quang trắng, đỏ loại III; móng cột sử dụng BTXM mác 150, đá 1x2; liên kết giữa cột và móng bằng mặt bích kích thước (200x200x8)mm, khung móng cột kích thước (155x155x400)mm.

- Bổ sung hệ thống đỉnh phản quang, kích thước (130x110x25)mm, khoảng cách 1m/đỉnh tại đầu dải phân cách giữa và đầu đảo nút giao tuyến nhánh ra QL.1.

6.7. Đảm bảo giao thông trong quá trình thi công: Bố trí biển cảnh báo, rào chắn thi công, người điều tiết cảnh báo giao thông trong quá trình thi công do đoạn tuyến thi công trên tuyến có lưu lượng xe lớn.

(Nội dung chi tiết thể hiện trong Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo thẩm định số 2532/SGTVT-QLCL ngày 14/11/2023 của Sở Giao thông vận tải)

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng giao thông Bắc Ninh.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

9. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Nhóm dự án: Nhóm C; Loại: Công trình giao thông; Cấp công trình: Cấp III.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 01 bước.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng: **4.906.028.000 đồng** (Bốn tỷ, chín trăm linh sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

b) Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Chi phí xây dựng:	4.165.776.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	93.313.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	353.737.000	đồng.
- Chi phí khác:	59.582.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	233.620.000	đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp được giao trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo nội dung Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 và Văn bản số 751/UBND-XDCB ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

15. Phân chia gói thầu: Toàn bộ phân xây lắp là 01 gói thầu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tiếp tục rà soát, tính toán kỹ lưỡng các khoản, mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án cho đúng, cho đủ theo quy định. Trên cơ sở đó, tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ, đáp ứng tính hiệu quả, tiết kiệm, trong mọi trường hợp không để xảy ra thất thoát lãng phí ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành: TC, GTVT, KBNN tỉnh;
- UBND huyện Tiên Du;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Công thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, DTG;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Văn Hà